TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2026/HNGĐ-PT
Ngày: 07 - 01 - 2026
V/v: Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thanh Bình

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tuấn

Ông Hồ Minh Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Hòa - Kiểm sát viên.

Vào ngày 07 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 179/2025/TLPT-HNGĐ ngày 01/12/2025 về việc "Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 476/2025/HNGĐ-ST ngày 22/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực B, TP . bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 7423/2025/QĐPT-HNGĐ ngày 10/12/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị Thanh H, sinh năm 1986 (có mặt)
CCCD số 001186040713, cấp ngày 06/11/2022.
Địa chỉ: 238/17A Tt, Phường M, quận G (nay là phường G), TP. Hồ Chí Minh.
Nơi ở: Xuân Sơn, Sơn Tây, Hà Nội.

Bị đơn: Ông Lê Hữu T, sinh năm 1987 (có mặt)
CCCD số 075087004213, cấp ngày 01/3/2023.
Địa chỉ: Căn hộ A tòa CH2, Chung cư C P, Phường A, quận G (nay là phường G), TP. Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Bà Trịnh Thị Thanh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo Đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết, nguyên đơn - bà Trịnh Thị Thanh H trình bày:***

Bà và ông Lê Hữu T đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 1485/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16/9/2022 của Tòa án nhân dân quận G. Theo Quyết định hai bên thỏa thuận bà nuôi trẻ Lê Trọng P, sinh ngày 06/3/2018 và ông T nuôi trẻ Lê Thị Bảo C, sinh ngày 03/12/2014. Từ ngày ly hôn, bà luôn tin tưởng ông T trong việc chăm sóc, yêu thương con chung, ông bà vẫn đảm bảo con chung có đầy đủ tình yêu thương tốt nhất từ bố mẹ và chị em ruột, nên hai con ở với bà từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, thứ 7 và chủ nhật về ở với bố.

Tuy nhiên qua thời gian theo dõi, bà nhận thấy trẻ P khi ở với bà cháu có ánh mắt lầm lì, còn trẻ C khi qua bố chơi thì cháu không chịu đi. Bà hỏi thì hai cháu im lặng cho đến tết năm 2024, khi hai cháu về ngoại chơi thì trẻ P mới kể chuyện bị cô H1 (cô N - là người ở cùng ông T) đánh đập, trẻ C thì bị cô N luôn nói với cháu là "mẹ không thương C chỉ thương P thôi nên mới để C ở bên ba". Bà đã phản ánh tình hình trên với ông T và ông bà nội, nhưng cả hai bên đều không tin tưởng và không có động thái bảo vệ, dẫn đến con bị bất ổn về tâm lý. Trẻ C chuẩn bị bước vào giai đoạn phát triển tâm sinh lý, khi ở trong một môi trường như vậy thì sau này con sẽ phát triển tâm lý không được bình thường. Do ông T làm việc theo ca, ca đêm không có ở nhà, sau này khi sân bay L hoàn thiện, thời gian làm việc của ông T không thể sát sao bên con được. Nếu giao cho cô N chăm sóc thì không thể đảm bảo chuyện gì sẽ xảy ra.

Do đó bà làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con, bà yêu cầu được nuôi trẻ C, không yêu cầu ông Trung cấp D nuôi con.

**** Theo Đơn phản tố, bản tự khai, quá trình giải quyết, bị đơn - ông Lê Hữu T trình bày:***

Ông thống nhất với phần trình bày của bà H về việc ly hôn, cũng như thoả thuận nuôi con giữa ông và bà H.

Bà H cho rằng cô H1 (cô N) làm ảnh hưởng đến tâm lý và thể xác của cháu trong thời gian các cháu sống bên ông, ông không đồng ý với lý do này vì hoàn toàn không có căn cứ, chứng cứ xác thực mà chỉ thông qua con trẻ nói lại. Qua thời gian tìm hiểu nguyên nhân ông được biết con trẻ bị bà ngoại (tên là Nguyễn Thị Minh H2) có hành động, cử chỉ hăm dọa tác động đến tâm lý con trẻ đến miễn cưỡng phải nói theo. Riêng trẻ C sau khi lên Tòa về nhà ông bà nội có biểu hiện sang chấn tâm lý, không dám điện thoại nói chuyện với mẹ và không muốn quay lại tòa. Trẻ Châu có tâm sự với gia đình (ông bà nội, cô T1, chú P và các em ở quê) là bà ngoại hù dọa "nếu P ở với bố T thì bố sẽ bị đi tù và bị bố, cô H1 hành hạ". Qua sự việc trên ông không đồng ý với cách dạy cháu của gia đình ông bà ngoại và tác động làm ảnh hưởng nghiêm trọng tâm lý trẻ nhỏ. Và đồng thời cô H đã tố cáo không đúng sự thật làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự và sinh hoạt ngày thường của gia đình ông. Trẻ Châu đang học ở trường tiểu học Nguyễn Thị Minh K, bà H đã chuyển công

tác về B, nên điều kiện hiện nay của trẻ C sẽ tốt cho việc sinh sống, học tập của trẻ. Ông đề nghị thay đổi quyền nuôi con đối với trẻ P để ông được chăm sóc 2 con tốt hơn, phát triển toàn diện và có cuộc sống đầy đủ được quyền giáo dục ở môi trường tốt hơn. Ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 476/2025/HNGĐ-ST ngày 22/8/2025 Tòa án nhân dân khu vực B, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

"- Căn cứ khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 217, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị Thanh H.

Ông Lê Hữu T vẫn là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ Lê Thị Bảo C.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Hữu T.

Bà Trịnh Thị Thanh H vẫn là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ Lê Trọng P…"

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền và thời hạn kháng cáo.

Ngày 27/8/2025, bà Trịnh Thị Thanh H kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện giao trẻ C cho bà nuôi dưỡng vì bà có đủ điều kiện để nuôi dạy con, nhiều thời gian chăm sóc các con hơn ông T và cô N (người ở cùng ông T) có hành vi, lời nói làm ảnh hưởng đến tâm lý của trẻ C.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

** Nguyên đơn - bà Trịnh Thị Thanh H trình bày:* Bà giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị được nuôi cả hai trẻ Lê Trọng P và Lê Thị Bảo C, không yêu cầu ông Trung cấp D nuôi con.

** Bị đơn - ông Lê Hữu T trình bày:* Ông đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà H.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thời hạn kháng cáo: Kháng cáo của bà H làm đúng thời hạn luật định.

- Về nội dung kháng cáo: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa, nhận thấy theo Quyết định công

nhận thuận tình ly hôn thì hai bên đã thỏa thuận giao trẻ P cho bà H nuôi, giao trẻ C cho ông T nuôi. Xét thấy, cả bà H và ông T đều có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung, trong quá trình nuôi dưỡng hai trẻ đều phát triển bình thường, hiện nay trẻ C vẫn đang sinh hoạt học tập ổn định. Căn cứ theo Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình thì không có căn cứ để thay đổi người trực tiếp nuôi con, do đó Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C là có căn cứ đúng pháp luật.

Bà H kháng cáo cho rằng hai trẻ bị cô N bạo hành, nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào và cũng không chứng minh được ông T không còn đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con. Do đó, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà H phải chịu theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thời hạn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Trịnh Thị Thanh H làm trong thời hạn luật định.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Căn cứ Giấy khai sinh số 50/2015 quyển số 01/2025 ngày 05/3/2015 và Trích lục khai sinh số 110/TLKS-BS ngày 08/5/2018 do Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp thì trẻ Lê Thị Bảo C, sinh ngày 03/12/2014 và trẻ Lê Trọng P, sinh ngày 06/3/2018 là con của bà H và ông T.

Xét nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con của bà H và ông T đều xuất phát từ tình thương và trách nhiệm đối với con. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các bên đương sự cung cấp thể hiện bà H và ông T đều có đủ điều kiện nuôi con như: chỗ ở, thu nhập ổn định, thời gian dành cho con… Từ khi bà H và ông T ly hôn từ tháng 9/2022 đến nay, bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ P, ông T là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ C, hai trẻ đều sinh sống, học tập ổn định, phát triển tốt.

Bà H khởi kiện cho rằng ông T chung sống với người phụ nữ khác có những hành vi, lời nói làm ảnh hưởng đến tâm lý của hai trẻ, ông T phản tố cho rằng gia đình bà H nuôi dạy con không hợp lý nhưng không ai cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ và hợp pháp, đồng thời cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh bên kia không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông T về việc thay

đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và không yêu cầu cấp dưỡng, là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho lời trình bày của mình, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H.

Từ những nhận định trên, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung), không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung);

Căn cứ vào Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí; Điều 26; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung);

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Trịnh Thị Thanh H.

2. Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 476/2025/HNGĐ-ST ngày 22/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị Thanh H.

Ông Lê Hữu T vẫn là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ Lê Thị Bảo C.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Hữu T.

Bà Trịnh Thị Thanh H vẫn là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ Lê Trọng P.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trịnh Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số 0014265 ngày 24/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H). Bà Trịnh Thị Thanh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Hữu T phải chịu án phí phản tố là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu số 0014425 ngày 27/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H). Ông Lê Hữu T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trịnh Thị Thanh H phải chịu là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số 0019099 ngày 23/9/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trịnh Thị Thanh H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- VKSND Tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Khu vực B;
- THADS TP.HCM;
- Phòng THADS Khu vực B;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: TGĐ, hồ sơ, (20).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quách Thanh Bình